

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Phạm Thị Liễu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị X**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 4, xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27-12-2012 tại được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T1, Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Chị X và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau, anh N thường xuyên đi uống rượu, bia, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Nay chị X nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 (Một) con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 06-01-2014. Khi ly hôn chị X sẽ giao con chung cho anh N nuôi dưỡng và tạm thời chưa cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 5 năm 2022, anh Nguyễn Thành N trình bày*

- Về hôn nhân: Anh N và chị X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27-12-2012 tại được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T1, Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ 2020 đến nay. Anh vẫn tình cảm với vợ, vẫn có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ nhưng nhiều lần lên nhà chị để nói chuyện thì chị không đồng ý. Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh N không đồng ý và yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

- Về nuôi **con**: Vợ chồng có 01 (Một) con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 06-01-2014. Nếu ly hôn anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X. Về hôn nhân: Cho chị X được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao cho anh N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 06-01-2014. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Thành N có nơi cư trú tại xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Phạm Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh N, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị X là nguyên đơn và anh N là bị đơn, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn giải quyết vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị X và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Cổ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 27-12-2012. Như vậy, hôn nhân của chị X, anh N là hợp pháp.

Chị X, anh N đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vì bất đồng về quan điểm sống nên có cãi nhau và xung đột, sau đó chị X, anh N đã không còn chung sống từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh N cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh N không đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể đoàn tụ; đồng thời do không tiến hành hòa giải được nên hòa giải đoàn tụ không thành.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng chị X, anh N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được và đã không còn chung sống với nhau năm 2020 cho đến nay.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, các đương sự đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Chị X và anh N có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 06-01-2014. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con, chị X cũng đồng ý giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Cháu D có nguyện vọng được sống với anh N sau khi hai vợ chồng ly hôn. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho cháu D tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 06-01-2014. Anh N không yêu cầu cấp dưỡng, tạm thời chị X chưa phải cấp dưỡng cho con.

Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Phạm Thị X và anh Nguyễn Thành N trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**2.** Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002248 ngày 12-01-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

**3.** Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Trà Cỏ (Số 98, ngày 27-12-2012) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Đại**

